

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2020/DS-PT

Ngày: 19-02-2020

*V/v: “V/v tranh chấp hủy hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất, yêu
cầu chia thừa kế theo di chúc”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa ph tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các thẩm phán: 1/ Ông Lê Thành Văn

2/ Bà Trần Thị Thu Thủy

Thư ký ph tòa: Ông Thái Lê Quỳnh, Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Chí Minh tham
gia phiên tòa*** ông Võ Phong Lưu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:
418/2019/TLPT-DS ngày 06 tháng 8 năm 2019 về “*tranh chấp hủy hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất, yêu cầu chia thừa kế theo di chúc*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019
của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 164/2020/QĐPT-DS
ngày 15 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Đồng nguyên đơn:*

1. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1962 (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1964 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: 384 tổ 4, ấp Tân Hà B, xã T, huyện T, tỉnh K.

3. Bà Trần Thị L (Nguyễn Thị L), sinh năm: 1945. Địa chỉ: 2490/31/3 ấp
Phú Cường, xã P, huyện T, tỉnh Đ (Có mặt).

4. Bà Vũ Thị L, sinh năm: 1952. Địa chỉ: Số 188, tổ 01, ấp Phú Hợp A, xã
P, huyện T, tỉnh Đ (Có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà L, bà H, bà L, bà L: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Tổ 4, ấp Tân Quới, xã Tân Hiệp A, huyện T, tỉnh K (Có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1966. Địa chỉ: Tổ 4, ấp Tân Quới, xã Tân Hiệp A, huyện T, tỉnh K (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1971. Địa chỉ: 398 tổ 4, ấp Tân Hà B, xã T, huyện T, tỉnh K (Vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1947. Địa chỉ: thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (Vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Minh S, sinh năm: 1968 (Vắng mặt).

3. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1972 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 13, ấp Phú Hợp A, xã Phú Bình, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

4. Anh Nguyễn Minh T, sinh năm: 1969. Địa chỉ: huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt).

5. Chị Nguyễn Thị Vũ T, sinh năm: 1977. Địa chỉ: huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh Sự, anh T, anh T, chị Thanh: Bà Vũ Thị L, sinh năm: 1952. Địa chỉ: Số 188, tổ 01, ấp Phú Hợp A, xã P, huyện T, tỉnh Đ (Có mặt).

6. Ông Nguyễn Văn Do (Ro), sinh năm: 1951. Địa chỉ: Tổ 13, ấp Kinh 10B, thị trấn Tân Hiệp, huyện T, tỉnh K (Đã chết ngày 23/8/2018).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Do (Ro):

6.1. Bà Tạ Thị M, sinh năm: 1953 (Vắng mặt).

6.2 Nguyễn Hồng K, sinh năm: 1975 (Vắng mặt).

6.3 Nguyễn Hoàng L, sinh năm: 1978 (Vắng mặt).

6.4 Nguyễn Quốc T, sinh năm: 1980 (Vắng mặt).

6.5 Nguyễn Sơn H, sinh năm: 1982 (Vắng mặt).

6.6 Nguyễn Thị Thu H, sinh năm: 1984 (Vắng mặt).

6.7 Nguyễn Bảo T sinh năm: 1989 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 13, ấp Kinh 10B, thị trấn Tân Hiệp, huyện T, tỉnh K.

7. Ông Nguyễn Văn R, sinh năm: 1959. Địa chỉ: huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt).

8. Ông Nguyễn Văn Đ (Tân), sinh năm: 1965. Địa chỉ: huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Đã chết ngày 13/3/2019).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Định (Tân):

8.1 Nguyễn Thị C, sinh năm: 1971. (Vắng mặt).

8.2 Nguyễn Thị Bích N, sinh năm: 2005(Vắng mặt).

8.3 Nguyễn Thị Kim L, sinh năm: 2011. (Vắng mặt).

Người đại diện cho N và L: Nguyễn Thị C, sinh năm: 1971.

Cùng địa chỉ:, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt).

9. Bà Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1973. Địa chỉ: tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Vắng mặt).

10. Bà Trần Thị C, sinh năm: 1935. Địa chỉ T, huyện T, tỉnh K (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Chắt: anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1971 (văn bản ủy quyền ngày 07/3/2019). (Vắng mặt)

11. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Người kháng cáo: các đồng nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại ph tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đồng nguyên đơn trình bày: Cha là ông Nguyễn Văn Rĩnh (chết ngày 04/5/2016) và mẹ là bà Trần Thị Chắt lúc sinh thời có tạo lập được một lô đất thổ cư và đất vườn có diện tích 21.150m² tọa lạc tại tổ 4, ấp Tân Hà, xã T, huyện T, tỉnh K được Ủy ban nhân dân huyện Tân Hiệp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số A 762877 ngày 10/3/1993. Phần đất này hiện nay do Nguyễn Văn Đ sử dụng và đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00489 do Ủy ban nhân dân huyện cấp ngày 31/10/2014.

Khi còn minh mẫn, ông Nguyễn Văn Rĩnh có đến Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp B (nay là xã Tân Hòa), huyện Tân Hiệp để lập di chúc và được Ủy ban nhân dân xã chứng thực ngày 05/3/2008. Trong suốt thời gian từ khi lập di chúc cho đến khi chết ngày 04/5/2016, ông Rĩnh không thay đổi hay bổ sung di chúc.

Sau khi ông Rĩnh chết được 100 ngày, chúng tôi có nhờ Chính quyền xã Tân Hòa công bố di chúc. Khi công bố di chúc mới phát hiện Nguyễn Văn Đ đã lừa cha mẹ lúc các cụ không còn minh mẫn, sáng suốt để lập hợp đồng tặng cho gần hết diện tích mà ông Rĩnh đã lập cho anh chị em gồm:

- Nguyễn Thị L được hưởng 8.000m² (có đất vườn và đất trồng lúa);
- Nguyễn Thị L được hưởng 1.000m² (Có đất vườn và đất trồng lúa);
- Nguyễn Văn Ruân (chết), vợ Vũ Thị L được hưởng 1.000m² (Có đất vườn và đất trồng lúa);
- Nguyễn Thị H được hưởng 1.000m² (Có đất vườn và đất trồng lúa);

- Nguyễn Thị H được hưởng 1.000m² (Có đất vườn và đất trồng lúa).

Vì vậy, các bà làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Các đồng nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Rĩnh, bà Trần Thị Chắt với ông Nguyễn Văn Đ. Đồng thời thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00489 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Hiệp cấp ngày 31/10/2014 cho ông Nguyễn Văn Đ đứng tên.

Đồng thời yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất theo di chúc mà ông Rĩnh đã lập tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp B (Nay là xã Tân Hòa) ngày 05/3/2008.

Các đồng nguyên đơn đồng ý lấy diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Về họ tên cha mẹ, năm cha chết và các anh chị em trong gia đình theo nguyên đơn trình bày là đúng.

Khoảng năm 1957 cha ông là ông Rĩnh đã sống cùng với mẹ là bà Chắt, khoảng năm 1960 bà nội ông cho đất ông Rĩnh và bà Chắt một phần đất, sau đó cha mẹ ông nhận chuyển nhượng thêm của người khác. Từ thời điểm đó đến nay cha mẹ ông canh tác quản lý đất cho đến ngày 22/5/2014, thì cha mẹ tặng cho ông thửa đất số 327, 326, 804, tờ bản đồ 11, diện tích 21.063m²; diện tích còn lại khoảng 3.800m² hiện ông Rĩnh còn đứng tên quyền sử dụng đất, nhưng phần đất này cho mẹ ông là bà Chắt để dưỡng già.

Khoảng tháng 10/2016, bà H có đưa tờ di chúc cho mẹ là bà Chắt và chính quyền địa phương công bố tờ di chúc, ông và mẹ ông không đồng ý, vì di chúc này giả tạo, ông đã được cha mẹ tặng cho quyền sử dụng đất diện tích 21.063m² và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2014, nên ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ông đồng ý lấy diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Chắt trình bày:

Chồng bà là ông Nguyễn Văn Rĩnh đã chết ngày 04/5/2016 được khoảng ba tháng, thì các con Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L, Nguyễn Thị H, Vũ Thị L, Trần

(Nguyễn) Thị L đã mời Ủy ban nhân dân xã Tân Hòa vào nhà bà để công bố di chúc của ông Rĩnh. Bà không biết di chúc đó, di chúc không có chữ ký và sự đồng ý của bà. Vì đây là tài sản C của vợ chồng.

Bà và chồng là ông Rĩnh đã bàn thảo, định đoạt là giao toàn bộ đất và thổ cư nhà ở cho con trai út là Nguyễn Văn Đ để vợ chồng Đ chăm sóc cha mẹ lúc tuổi già cũng như lo mai táng khi chết. Vợ chồng bà đã lập hợp đồng tặng cho và đồng ý ký tên có công chứng đúng pháp luật và được Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho con bà là Nguyễn Văn Đ. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà khởi kiện yêu cầu độc lập hủy bản di chúc đề ngày 05/3/2008 do chỉ một mình chồng bà là ông Nguyễn Văn Rĩnh ký tên.

Bà đồng ý lấy diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giá đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang ban hành để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác là : bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh, ông Nguyễn Văn Ruy, ông Nguyễn Văn Định đều cho rằng không biết di chúc, Tờ di chúc là mạo danh của ông Rĩnh và yêu cầu hủy tờ di chúc ngày 05/3/2008.

2. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, tỉnh K trình bày:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số LAV201700100 ký ngày 17/01/2017 và giấy nhận nợ số 7707LDS20184304 ngày 25/9/2018.

Ngày 09/01/2019, ông Nguyễn Văn Đ đã tự đến Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn trả hết số tiền gốc cộng lãi phát sinh trước thời hạn.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 08/2019/DS-ST ngày 02 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Căn cứ Điều 26, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 8 Điều 27, khoản 1 mục I Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng các Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; khoản 1, 3 Điều 667; Điều 688, 692, 722, 723 Bộ luật dân sự 2005.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị L (Nguyễn Thị L), bà Vũ Thị L, bà Nguyễn Thị H về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Rĩnh, bà Trần Thị Chắt với ông Nguyễn Văn Đ được chứng thực ngày 22/5/2014 và chia thừa kế theo di chúc của ông Nguyễn Văn Rĩnh lập ngày 05/3/2008.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Chắt.

Hủy di chúc của ông Nguyễn Văn Rĩnh do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp B (Nay là xã Tân Hòa), huyện T, tỉnh K chứng thực số 21, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/3/2008.

3. Giữ nguyên quyền sử dụng đất cho Nguyễn Văn Đ tại thửa 326 diện tích 2.550m²; thửa 327 diện tích 1.900m²; thửa 804 diện tích 16.613m², tờ bản đồ số 11. Đất tọa lạc tại ấp Tân Hà B, xã T, huyện T, tỉnh K do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh K cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 128086, ngày 31/10/2014, vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH00489 do ông Nguyễn Văn Đ là người đứng tên.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/4/2019 các đồng nguyên đơn gồm: bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị L, bà Vũ Thị L kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án và chia di sản theo di chúc.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, các đồng nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Năm 2008 cụ Rĩnh lập di chúc để lại tài sản là quyền sử dụng đất cho vợ là cụ Chắt cùng các con, cụ Rĩnh chết năm 2016, tuy nH, khi còn sống vào năm 2014 cụ Rĩnh và cụ Chắt lại lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất 21.063 m² cho con trai là ông Nguyễn Văn Đ và ông Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy, tờ di chúc năm 2008 của cụ Rĩnh là không còn giá trị vì đã bị hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất năm 2014 phủ định. Hơn nữa hiện nay cụ Chắt còn sống và vẫn khẳng định năm 2014 vợ chồng

cụ Rĩnh, Chắt đã tặng cho quyền sử dụng đất 21.063 m² cho con là ông Đ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị L, bà Vũ Thị L nộp trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Các bên đương sự đều thống nhất tài sản tranh chấp là đất thổ cư, đất vườn và đất trồng lúa có diện tích 21.150m² tọa lạc tại tổ 4, ấp Tân Hà, xã T, huyện T, tỉnh K có nguồn gốc là của cụ Nguyễn Văn Rĩnh và cụ Trần Thị Chắt tạo lập. Cụ Nguyễn Văn Rĩnh chết ngày 04/5/2016, sau khi cụ Rĩnh chết các đồng nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế phần đất trên theo di chúc ngày 05/3/2008 được Ủy ban nhân dân xã chứng thực. Phía bị đơn ông Đ thì cho rằng ông được cụ Nguyễn Văn Rĩnh và cụ Trần Thị Chắt lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất 21.150m² kể trên vào ngày 22/5/2014 nên không đồng ý chia theo yêu cầu của các nguyên đơn và xác định tờ di chúc ngày 05/3/2008 là giả mạo.

[3] Xét hiệu lực của di chúc: Tờ di chúc ngày 05/3/2008 cụ Rĩnh để lại toàn bộ tài sản cho vợ và các con, trong khi đây là tài sản C của vợ chồng nhưng chỉ có một mình cụ Nguyễn Văn Rĩnh ký. Nên di chúc không có hiệu lực một phần. Tuy nhiên, vào ngày 22/5/2014 cụ Nguyễn Văn Rĩnh và cụ Trần Thị Chắt lập hợp đồng tặng cho toàn bộ tài sản cho ông Nguyễn Văn Đ. Ngày 04/5/2016 cụ Nguyễn Văn Rĩnh chết, như vậy căn cứ vào khoản 3 Điều 667 Bộ luật dân sự năm 2005 vào thời điểm mở thừa kế theo di chúc của cụ Rĩnh thì tài sản không còn, do đó di chúc ngày 05/3/2008 không còn hiệu lực.

[4] Xét giá trị pháp lý của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 22/5/2014: Hợp đồng tặng cho được phòng công chứng Tân Hiệp chứng thực. Sau khi được tặng cho ông Nguyễn Văn Đ đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00489 do Ủy ban nhân dân huyện Tân Hiệp cấp ngày 31/10/2014. Như vậy, hợp đồng tặng cho đã thỏa mãn yêu cầu của điều 459 Bộ luật dân sự. Hơn nữa hiện nay cụ Trần Thị Chắt vẫn chưa nhận có việc tặng cho quyền sử dụng đất cho ông Đ. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn, giữ y án sơ thẩm.

[5] Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm như sau: Án sơ thẩm bác yêu cầu của các đồng nguyên đơn nên không phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nhưng tại phần quyết định lại áp dụng các điều của Luật thi hành án dân sự. Ngoài ra quyết định sơ thẩm còn giữ nguyên quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn

Văn Đ là chưa đúng quy định vì Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền mới là cơ quan có quyền về quản lý đất đai. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, cụ Chắt có yêu cầu độc lập đề nghị hủy di chúc ngày 05/3/2008 nhưng cấp sơ thẩm không tiến hành các thủ tục để thụ lý giải quyết là vi phạm tố tụng, nhưng xét yêu cầu độc lập của cụ Chắt có liên quan đến yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của các nguyên đơn, nên khi giải quyết vẫn đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, nên không cần thiết phải hủy án sơ thẩm. Theo đó, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm cũng điều chỉnh lại quan hệ tranh chấp từ “*tranh chấp hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, hủy di chúc và chia thừa kế*” thành “*tranh chấp hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất, yêu cầu chia thừa kế theo di chúc*”.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đồng nguyên đơn phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

[7] Quan điểm của đại diện viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các đồng nguyên đơn giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị L và bà Vũ Thị L. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; khoản 1, 3 Điều 667; Điều 688, 692, 722, 723 Bộ luật dân sự 2005. Căn cứ Điều 26, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị L (Nguyễn Thị L), bà Vũ Thị L, bà Nguyễn Thị H về việc hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Rĩnh, bà Trần Thị Chắt với ông Nguyễn Văn Đ được chứng thực ngày 22/5/2014 và chia thừa kế theo di chúc của ông Nguyễn Văn Rĩnh lập ngày 05/3/2008.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Chắt. Hủy di chúc của ông Nguyễn Văn Rĩnh do Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp B (Nay là xã Tân Hòa), huyện T, tỉnh K chứng thực số 21, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/3/2008.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 200.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006646 ngày 01/11/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (do bà Nguyễn Thị H nộp thay). Bà L được hoàn trả lại 5.800.000 đồng. Bà Trần Thị L (Nguyễn Thị L), bà Vũ Thị L, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 200.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp 750.000 đồng theo các biên lai thu tiền số 0006647, 0006648, 0006649, 0006650 cùng ngày 01/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (do bà Nguyễn Thị H nộp thay). Bà L, bà L, bà H và bà H mỗi người được hoàn trả lại 550.000 đồng.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị H, bà Trần Thị L và bà Vũ Thị L mỗi người phải chịu 300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí nộp tại các biên lai số 0001373, 0001372, 0001371, 0001370, 0001369 cùng ngày 02 tháng 04 năm 2019 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PH TÒA**

Trần Thị Thu Thủy

Lê Thành Văn

Hoàng Minh Thịnh

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PH TÒA**

Hoàng MinhThịnh

